TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-ST
Ngày: 26 tháng 4 năm 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Phương Thị H với bà Nguyễn Thị T "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Hoan.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quang Hợi;

Ông Đào Đức Phú;

- Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Thao.

Đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024. Tại trụ sở toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST - DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà Phương Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: VM1-48 Q, khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt);

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu Ổ A, phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Cao Văn L, sinh năm 1957; Trú tại: VM1-48 Q, khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt);

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2023 cùng với các lời khai tiếp theo tại Toà án và tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn là bà Phương Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao Văn L trình bày:

Bà Phương Thị H và bà Nguyễn Thị T là chỗ quen biết. Năm 2011 bà H và chồng là ông Cao Văn L có cho bà T vay tiền để bà T lấy vốn kinh doanh. Vợ chồng ông Lợi, bà H cho bà T vay tiền làm hai lần, cụ thể:

- Ngày 02/01/2011 vợ chồng bà cho bà T vay số tiền 105.000.000 đồng
- Ngày 29/3/2011 vợ chồng bà cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng.

Hai lần vay tiền này có lập thành Giấy vay tiền, do bà Nguyễn Thị T lập và ký tên vào phần Người vay. Vợ chồng bà và bà T có thỏa thuận miệng về thời hạn vay là một năm và lãi suất 1%/tháng. Sau khi lập Giấy vay tiền, vợ chồng bà đều giao tiền mặt ngay cho bà T.

Ngày 09/02/2013, vợ chồng ông Lợi, bà H lại cho bà T vay 17 chỉ vàng, bao gồm 02 lắc vàng, 02 dây vàng, 02 nhẫn hoa (vàng 9999), thời hạn vay là 01 năm, có lập thành Giấy vay vàng, do bà T lập và ký tên vào phần Người vay. Vợ chồng bà và bà T có thỏa thuận miệng về lãi suất là 1%/tháng. Sau khi lập Giấy vay vàng, vợ chồng ông Lợi, bà H đã giao 17 chỉ vàng 9999 cho bà T.

Tháng 02 năm 2014, đến hạn trả nợ nhưng bà T không trả, vợ chồng bà nhiều lần liên hệ và tìm gặp bà T để đòi nợ nhưng bà T không trả. Vì vậy, vợ chồng bà có làm đơn gửi Công an xã Hòa Long (nay là phường Hòa Long), thành phố Bắc Ninh để giải quyết. Tại Biên bản xác nhận nợ và Biên bản làm việc ngày 15/12/2014 có sự chứng kiến của Công an xã Hòa Long (nay là phường Hòa Long), vợ chồng ông Lợi bà H và bà Nguyễn Thị T cùng chồng bà T là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; HKTT: Khu Đ, phường H, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thỏa thuận đối với số tiền còn nợ là 305.000.000 đồng, bà T và ông Sóng sẽ trả bằng một sào ruộng (360m^2) gồm Mễ Sơn, Giữa đồng, đồng chê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00660. Tuy nhiên, đến nay bà T và ông Sóng chưa làm thủ tục sang tên đất cho vợ chồng ông, bà và chưa trả cho vợ chồng ông, bà khoản tiền hay số vàng nào.

Vì vậy, bà H và ông Lợi yêu cầu Tòa án buộc bà T và ông Sóng có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 305.000.000 đồng và 17 chỉ vàng 9999, theo giá thị trường hiện nay là 102.000.000 đồng. Về khoản nợ lãi ban đầu ông Lợi, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Sau đó ông, bà thay đổi yêu cầu không yêu cầu tính lãi nữa.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và bà Phương Thị H là chỗ quen biết, chơi thân với nhau. Năm 2011do cần tiền để kinh doanh, bà có hỏi vay tiền để bà H; Bà H đồng ý và đã cho bà vay 02 lần tiền, cụ thể:

- Ngày 02/01/2011 bà vay số tiền 105.000.000 đồng
- Ngày 29/3/2011 bà vay số tiền 200.000.000 đồng.

Hai lần vay tiền này có lập thành Giấy vay tiền, do bà - Nguyễn Thị T lập và ký tên vào phần Người vay.

Khi vay tiền của bà H, bà và Hiền không thỏa thuận về thời hạn vay, mà chỉ thỏa thuận miệng về lãi suất của toàn bộ khoản vay là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng)/01 tháng đối với toàn bộ số tiền vay là 305.000.000 đồng (Ba trăm linh năm triệu đồng).

Ngày 09/02/2013, bà có vay của bà H 17 chỉ vàng, bao gồm 02 lắc vàng, 02 dây vàng, 02 nhẫn hoa (vàng 9999), thời hạn vay là 01 năm, có lập thành Giấy vay vàng, do bà bà lập và ký tên vào phần Người vay.

Việc bà vay tiền và vàng của bà H, ban đầu chồng bà không biết; Đến năm 2014 bà H làm đơn ra Công an xã Hòa Long để giải quyết, khi đó chồng bà mới biết. Khi đó giữa vợ chồng bà và vợ chồng bà H có thỏa thuận với nhau về việc vợ chồng bà gán cho vợ chồng bà H 01 sào ruộng để trả nợ.

Từ khi vay tiền và vàng của bà H đến nay bà đã trả cho bà H 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) tiền lãi và 03 chỉ vàng. Tuy nhiên khi trả tiền lãi và vàng cho bà H, bà không yêu cầu bà H viết nhận nhận tiền, vàng; Do vậy bà không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án được.

Nay vợ chồng bà H yêu cầu vợ chồng bà phải có nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 305.000.000 đồng và 17 chỉ vàng 9999, theo giá thị trường hiện nay là 102.000.000 đồng. Bà đồng ý với yêu cầu của ông Lợi, bà H; Nhưng bà đề nghị để cho vợ chồng bà trả cho vợ chồng bà H toàn bộ số tiền và vàng đã vay còn nợ bằng 01 sào ruộng như hai bên đã cam kết trước đây, vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế của bà là rất khó khăn, không có khả năng trả bằng tiền được.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập các bên đương sự để hoà giải nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S vắng mặt không tham gia phiên hòa giải, nên Toà án không hòa giải được. Toà án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đối với ông Sóng, nhưng ông Sóng vắng mặt tại phiên tòa, do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S là chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 13; 121; 122; 280; 281; 285; 290; 305; 388; 471; 476; 477; 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 149; 294 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/ UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S phải trả cho bà Phương Thị H và ông Cao Văn L số tiền 305.000.000 đồng và 17 chỉ vàng loại 9999 tính theo thời giá tại thời điểm xét xử. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:

Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ Tranh chấp Hợp đồng vay tài quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 27/11/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự và Điều 189, Điều 190 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại: Khu Ổ A, phường C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Về nội dung: Do có mối quan hệ thân thiết với nhau, bà Nguyễn Thị T đã hỏi vay tiền và vàng của vợ chồng bà Phương Thị H, ông Cao Văn L; bà H và ông Lợi đã đồng ý cho bà T vay tiền và vàng nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 02/01/2011 vợ chồng bà cho bà T vay số tiền 105.000.000 đồng
- Ngày 29/3/2011 vợ chồng bà cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng.

Hai lần vay tiền này có lập thành Giấy vay tiền, do bà Nguyễn Thị T lập và ký tên vào phần Người vay. Vợ chồng bà và bà T có thỏa thuận miệng về thời hạn vay là một năm và lãi suất 1,0%/tháng. Sau khi lập Giấy vay tiền, vợ chồng bà đều giao tiền mặt ngay cho bà T.

- Ngày 09/02/2013, vợ chồng bà cho bà T vay 17 chỉ vàng, bao gồm 02 lắc vàng, 02 dây vàng, 02 nhẫn hoa (vàng 9999), thời hạn vay là 01 năm, có lập thành Giấy vay vàng, do bà T lập và ký tên vào phần Người vay. Vợ chồng bà và bà T có thỏa thuận miệng về lãi suất là 1,0%/tháng. Sau khi lập Giấy vay vàng, vợ chồng bà đã giao 17 chỉ vàng 9999 cho bà T.

Giấy vay tiền ngày 29/3/2011 thời hạn vay là 06 tháng; Giấy vay tiền ngày 02/01/2011 không thỏa thuận thời hạn trả.

Tuy trong các giấy vay tiền và vay vàng chỉ có một mình bà T ký nhận, nhưng ông Sóng đều biết.

Đến hạn thanh toán, vợ chồng ông Lợi bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Sóng, bà T trả lại cho vợ chồng ông Lợi, bà H toàn bộ số tiền và vàng mà ông Sóng, bà T đã vay; Nhưng ông Sóng, bà T không thanh toán, nên cuối năm 2014 ông lợi, bà H đã làm đơn đến Công an xã Hòa Long yêu cầu giải quyết. Tại Công an xã Hòa Long, vợ chồng ông Sóng, bà T có thỏa thuận với ông Lợi, bà H là vợ chồng ông Sóng, bà T trả nợ cho vợ chồng ông Lợi, bà H bằng 360m^2 ruộng ở Đầu Hàn, Hòa Long, thành phố Bắc Ninh của gia đình ông Sóng. Nhưng sau đó ông Sóng và bà T không thực hiện bàn giao ruộng cho vợ chồng ông Lợi, bà H như đã thỏa thuận; Đến ngày 13/3/2023 bà Nguyễn Thị T lại viết giấy khất nợ đến tháng 9/2023 thì trả, nhưng từ đó đến nay bà T và ông Sóng vẫn không trả nợ như đã cam

kết. Do vậy bà Phương Thị H đã khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng bà H, ông Lợi toàn bộ số tiền đã vay còn nợ là 305.000.000 đồng và 17 chỉ vàng loại 9999 tính theo thời giá hiện tại.

Phía bị đơn là bà Nguyễn Thị T đồng ý trả cho vợ chồng ông lợi, bà H toàn bộ số tiền và vàng đã vay còn nợ, nhưng xin được trả dần với mức 2.000.000 đồng/01 tháng; Phía nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu này của bị đơn.

Xét yêu cầu của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy trong giấy nhận nợ tiền và vàng thì chỉ có một mình bà Tính ký nhận; Nhưng trong biên bản làm việc ngày 15/12/2014 và biên bản xác nhận nợ thì cả bà T và ông Sóng đều thừa nhận khoản nợ 305.000.000 đồng của vợ chồng bà H, ông Lợi Do vậy yêu cầu của bà Phương Thị H và ông Cao Văn L yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng bà H, ông Lợi toàn bộ số tiền đã vay còn nợ là 305.000.000 đồng và 17 chỉ vàng loại 9999 tính theo thời giá hiện tại (Tính theo giá vàng của cửa hàng vàng sinh diễn hiện nay là 7.620.000đồng/01 chỉ) là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận; Yêu cầu của bị đơn xin được trả dần là không thể chấp nhận được.

Mặt khác, bà T cho rằng đã trả cho bà H, ông Lợi 310.000.000 đồng tiền lãi; bà H và ông Lợi không nhớ bà T đã trả bao nhiêu tiền lãi; Nhưng các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về số tiền lãi đã trả, nên không đặt ra xem xét giải quyết và cần ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S để làm rõ việc vợ chồng bà Phương Thị H, ông Cao Văn L cho vọ công Sóng là bà Nguyễn Thị T vay tiền, vàng và quan điểm của ông Sóng trước yêu cầu của ông Lợi, bà H; Nhưng ông Sóng cố tình vắng mặt, việc ông Sóng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ban đầu bà Phương Thị H và ông Cao Văn L yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S phải trả toàn bộ số tiền gốc đã vay còn nợ; Sau đó bà H và ông lợi đã thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Chỉ yêu cầu bà T và ông Sóng phải trả cho bà H và ông Lợi toàn bộ số tiền đã vay còn nợ là 305.000.000 đồng và 17 chỉ vàng loại 9999 tính theo thời giá tại thời điểm hiện nay; không yêu cầu trả lãi. Cần ghi nhận sự tự nguyện này của ông Lợi và bà H.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Hoàn trả bà Phương Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 239, 243, 254, 260, 261, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự**.**

Căn cứ các Điều 13; 121; 122; 280; 281; 285; 290; 305; 388; 471; 476; 477; 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phương Thị H và yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Cao Văn L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S phải trả cho bà Phương Thị H và ông Cao Văn L toàn bộ số tiền gốc đã vay còn nợ là 305.000.000 đồng (Ba trăm linh năm triệu đồng) và 17 chỉ vàng loại 9999 x 7.620.000 đồng (Bẩy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)/01 chỉ = 129.540.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng); Tổng cộng là 434.540.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì phải chịu lãi suất theo lãi suất giới hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 21.381.600đ (Hai mươi mốt triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm đồng) án phí DSST.

Hoàn trả Bà Phương Thị H 10.140.000 đồng (Mười triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000515 ngày 30/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền khỏng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND TP Bắc Ninh;*
- *THADS TP Bắc Ninh;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Hoan